Số: 1259/QĐ-UBND
Thời gian ký: 19/04/2023 15:59:36 +07:00

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH CỦA CÁC XÃ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2022
(Hỗ trợ theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư/Tổng dự toán	Trong đó		Vốn ngân sách tỉnh theo chính sách hỗ trợ NTM nâng cao của tỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách cấp huyện, xã và nguồn khác		Vốn đầu tư phát triển (Theo Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh	Vốn sự nghiệp (Theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh)	
TỔNG CỘNG		**76.692,0**	**23.218,3**	**53.473,7**	**9.768,0**	**5.268,0**	**4.500,0**	
I	**Huyện Tuy Phước**	**15.637,0**	**2.911,8**	**12.725,2**	**2.170,0**	**1.170,0**	**1.000,0**	
1	Xã Phước Quang	12.541,0	1.500,0	11.041,0	1.085,0	585,0	500,0	Phụ lục I.1
2	Xã Phước Nghĩa	3.096,0	1.411,8	1.684,2	1.085,0	585,0	500,0	
II	**Thị xã An Nhơn**	**33.099,8**	**7.500,0**	**25.599,8**	**2.170,0**	**1.170,0**	**1.000,0**	
1	Xã Nhơn Lộc	19.431,8	5.000,0	14.431,8	1.085,0	585,0	500,0	Phụ lục I.2
2	Xã Nhơn An	13.668,0	2.500,0	11.168,0	1.085,0	585,0	500,0	
III	**Huyện Hoài Ân**	**2.450,2**	**1.186,5**	**1.263,7**	**1.085,0**	**585,0**	**500,0**	
	Xã Ân Tường Tây	2.450,2	1.186,5	1.263,7	1.085,0	585,0	500,0	Phụ lục I.3
IV	**Huyện Phù Cát**	**8.736,0**	**3.000,0**	**5.736,0**	**1.085,0**	**585,0**	**500,0**	
	Xã Cát Hanh	8.736,0	3.000,0	5.736,0	1.085,0	585,0	500,0	Phụ lục I.4
V	**Huyện Phù Mỹ**	**13.604,0**	**6.800,0**	**6.804,0**	**2.170,0**	**1.170,0**	**1.000,0**	
1	Xã Mỹ Châu	6.617,0	3.308,0	3.309,0	1.085,0	585,0	500,0	Phụ lục I.5
2	Xã Mỹ Quang	6.987,0	3.492,0	3.495,0	1.085,0	585,0	500,0	
VI	**Huyện Tây Sơn**	**3.165,0**	**1.820,0**	**1.345,0**	**1.088,0**	**588,0**	**500,0**	
	Xã Bình Tường	3.165,0	1.820,0	1.345,0	1.088,0	588,0	500,0	Phụ lục I.6